

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HSPT

Ngày 18/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiên.
Các Thẩm phán: Ông Lưu Anh Tuấn; Ông Phan Tiến Dũng
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Trà My - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:** Bà Đỗ Thị Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2021/TLPT - HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 Đ với bị cáo Lê Hùng V và các đồng phạm do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, kháng cáo của bị cáo Lê Hùng V và bị hại Công ty Cổ phần LSD với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS - ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Các bị cáo bị kháng nghị, có kháng cáo, bị kháng cáo:*

1. Lê Hùng V, sinh năm 1982 tại huyện S, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Phạm Thị K; bị cáo có vợ và 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/3/2019 đến ngày 08/5/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú, bị cáo bị bắt tạm giam lại từ ngày 17/3/2020 đến ngày 16/10/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Lê Văn Đ, sinh ngày 23/4/1991 tại huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4 (Tổ dân phố 7 cũ), thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Bùi Thị M; bị cáo có vợ và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HS-ST ngày 29/6/2018 của TAND huyện huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2017 đến ngày 05/02/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, đến ngày 21/3/2018 bị bắt tạm giam lại liên tục cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Đặng Thị Th, sinh năm 1981 tại huyện Ph, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện Ph, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Th và bà Võ Thị Nh (đều đã chết); bị cáo có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Thái Quốc Bảo Ch, sinh ngày 02/7/1999 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Phi H (đã chết) và bà Trương Thị Mỹ L; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/3/2019 đến ngày 20/3/2019 bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú bị cáo bị bắt tạm giam lại từ ngày 17/3/2020 đến ngày 13/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Hùng V**: bà Võ Thị Tiết – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Võ Luật – Đoàn luật sư tỉnh Bình Định. Có mặt

- **Bị hại**: Công ty cổ phần LS

Địa chỉ: Lô III 23A, đường 19/5A, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Thái S – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Th - P. TGD công ty cổ phần LS. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10/2016 đến tháng 5/2017 Lê Hùng V, nhân viên lái xe của của Công ty cổ phần LS chi nhánh huyện K (sau đây gọi tắt là Công ty LS) được giao quản lý xe ô tô biển kiểm soát 81C – 06747, lợi dụng việc quản lý tài sản có nhiều sơ hở của Công ty LS nên V đã rủ Lê Văn Đ là người lái xe nâng hàng của Công ty LS trộm cắp hạt điều “chao” của Công ty LS để bán lấy tiền tiêu xài và được Đ đồng ý. V sử dụng số điện thoại 0978.138.166 liên lạc với Đặng Thị Th qua số điện thoại 0121.946.5000 để tìm cách tiêu thụ hạt điều trộm cắp được. Thực hiện ý định trên, lợi dụng lúc thủ kho của Công ty không có mặt nơi cân hàng, mỗi chuyến Đ nâng Th lên xe của V từ 02 đến 06 bao hạt điều “chao” ngoài phiếu xuất kho, mỗi bao có trọng lượng 50kg đến 55kg.

Sau khi điều khiển xe ra khỏi Công ty, V liên lạc với Th, mặc dù biết những bao điều “chao” này do Đ và V trộm cắp của Công ty LS nhưng vẫn đồng ý mua. Hai bên thống nhất địa điểm giao hàng trộm cắp trên đoạn đường ở cánh đồng lúa thuộc xã H, huyện Ph, tỉnh Phú Yên. Trong một số chuyến có mặt của Thái Quốc Bảo Ch, là áp tải hàng của Công ty LS và đi theo xe V để giám sát, đảm bảo hàng hóa trên xe không bị thất thoát và giao nhận hàng với các chi nhánh khác. Khi thấy

V dừng xe dọc đường bỏ hàng xuống cho Th, thì Ch biết rõ V lén trộm hàng bán ra ngoài, Ch không nói gì mà còn phụ V đưa hàng xuống cho Th. Việc trộm cắp của V, Đ và có sự tham gia của Ch đã trộm cắp được 60 bao hạt điều bán cho Th.

Vào cuối tháng 02 năm 2017, cứ mỗi lần không có Thái Quốc Bảo Ch đi cùng thì V lại liên lạc bán hạt điều cho người đàn ông tên N1 (không rõ lai lịch) với giá 1.600.000đ/ 01 bao. Trong khoảng thời gian tháng 2/2017 đến tháng 5/2017, V bán cho ông N1 40 bao hạt điều. Sau một thời gian bị Công ty nghi trộm cắp, V đã hủy chiếc sim thường liên lạc mua bán với ông N1. Tổng số tiền V có được sau khi bán hạt điều trộm cắp cho cả Th và ông N1 là 154.000.000đ, V chia cho Đ 70.000.000đ, cho Thái Quốc Bảo Ch 10.000.000đ.

Đặng Thị Th sau khi mua hạt điều của Công ty LS thì bán lại cho bà Đỗ Thị Tr sinh năm 1957, trú tại Thôn H, xã HPh, huyện Ph, tỉnh Phú Yên với giá 1.600.000đ/01 bao. Bà Tr không biết nguồn gốc hạt điều Th bán là do trộm cắp. Sau khi mua hạt điều xong, bà Tr đã đem pha trộn hạt điều mua được với các loại hạt điều khác bán ra ngoài theo giá thị trường. Vì vậy, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự Đ với bà Đỗ Thị Tr.

Đ với ông N1 (không rõ lai lịch) do tình cờ quen biết với V sau lần uống nước. Sau khi bị nghi ngờ trộm cắp hạt điều của công ty, V đã hủy chiếc sim điện thoại không đăng ký chính chủ nên không đủ thông tin để điều tra lý lịch ông N1. Do vậy không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự Đ với ông N1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 43, 44/KL-HĐĐG ngày 18/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận tổng giá trị tài sản bị xâm hại của Công ty LS là 100 bao hạt điều “chao” có giá 227.074.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

2. Diễn biến vụ án:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2019/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã quyết định tội danh và hình phạt của các bị cáo Lê Hùng V, Lê Văn Đ, Đặng Thị Th và Thái Quốc Bảo Ch.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 06/2020/HSPT ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2019/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai để điều tra, xét xử lại.

Tại bản cáo trạng số 37/CT - VKS ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Lê Hùng V và Lê Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sau đây gọi tắt là BLHS); truy tố bị cáo Đặng Thị Th và Thái Quốc Bảo Ch về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS.

3. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021 HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Hùng V, Lê Văn Đ, Đặng Thị Th và Thái Quốc Bảo Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 58 của BLHS năm 2015

Xử phạt bị cáo Lê Hùng V 03(Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án, nhưng được trừ đi 09 (chín) tháng 10 (mười) ngày tạm giam trước (từ ngày 04/3/2019 đến ngày 08/5/2019 và từ ngày 17/3/2020 đến ngày 16/10/2020).

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 của BLHS năm 2015

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 03(Ba) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của BLHS: Tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HS-ST ngày 29/6/2018 của TAND huyện K, tỉnh Gia Lai với hình phạt 03(Ba) năm tù của bản án này. Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chấp hành hình phạt tù chung là 06(Sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/3/2018, nhưng được trừ 05 (năm) tháng 03(Ba) ngày tạm giam trước đây (từ ngày 06/9/2017 đến ngày 05/02/2018).

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 58 của BLHS năm 2015

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Th 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 của BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Thái Quốc Bảo Ch 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án, nhưng được trừ đi 05 (Năm) tháng 17(Mười bảy) ngày tạm giam trước (từ ngày 04/3/2019 đến ngày 20/3/2019 và từ ngày 17/3/2020 đến ngày 13/8/2020).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt bổ sung, nghĩa vụ chịu án phí, xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

4. Kháng cáo của bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

4.1 Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K:

- Không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cho rằng tính tổng số tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng như cấp sơ thẩm đã tuyên thì các bị cáo không còn đủ 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự là điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Đặng Thị Th mang thai, sinh con trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nhưng Hội đồng xét xử không áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự Đ với bị cáo là không đúng

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng tăng hình phạt Đ với các bị cáo Lê Hùng V, Lê Văn Đ, Thái Quốc Bảo Ch, không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo Lê Hùng V, Lê Văn Đ, Thái Quốc Bảo Ch.

4.2 Kháng cáo của bị hại: Ngày 16/4/2021, Bị hại là Công ty Cổ phần LS-ông Vũ Thái S- Tổng giám đốc, đại diện Cty kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, với các nội dung:

- Xem xét số lượng hạt điều chao Công ty bị mất trộm lớn hơn nhiều lần so với số lượng hạt điều mà Cơ quan Tố tụng xác định các bị cáo đã trộm cắp.

- Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 cho các bị cáo là không phù hợp. Chưa xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác Đ với các bị cáo.

- Riêng với bị cáo Lê Văn Đ: đề nghị xem xét hành vi trộm cắp tài sản diễn ra liên tục, trong cùng thời gian và không gian là người tham gia tích cực nhất, hưởng lợi bất chính nhiều nhất. Ban đầu bị cáo khai nhận hưởng lợi số tiền 230 triệu, không phải 136.362.000 đồng như kết luận điều tra.

- Đề nghị điều tra thu thập số điện thoại, nội dung hội thoại, tin nhắn của các bị cáo, các Đ tượng có liên quan trong vụ án này để điều tra vụ án một cách toàn diện hành vi phạm tội của các bị cáo tránh bỏ lọt tội phạm.

4.3 Ngày 27/4/2021 bị cáo Lê Hùng V kháng cáo toàn bộ bản án HSST, xem xét lại vai trò của bị cáo, không phải là người chủ mưu, khởi xướng và xin giảm nhẹ hình phạt.

5. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Hùng V có đơn rút toàn bộ kháng cáo; Đại diện viện kiểm sát tỉnh Gia Lai rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342 đình chỉ xét xử phúc thẩm Đ với kháng nghị và kháng cáo của bị cáo Lê Hùng V; Đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đặng Thị Th nhưng giữ nguyên mức hình phạt.

- Lời nói sau cùng các bị cáo V, Đ, Th và Ch xin được giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

- Bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo: xem xét lại khối lượng hạt điều mà công ty bị mất trộm, xem xét các tình tiết giảm nhẹ áp dụng Đ với các bị cáo và cho rằng ngoài các bị cáo còn có những người khác có hành vi trộm cắp hàng của công ty nhưng điều tra chưa làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc rút toàn bộ kháng nghị và bị cáo Lê Hùng V rút toàn bộ kháng cáo: Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K; bị cáo V có đơn rút toàn bộ kháng cáo, xét việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, Hội đồng xét xử đã giải thích cho bị cáo về hậu quả của việc rút kháng cáo.

Căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm Đ với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K và kháng cáo của bị cáo V. Phần hình phạt và điều luật áp dụng đã tuyên trong bản án

sơ thẩm Đ với các bị cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội: Từ khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 5/2017 lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của Chi nhánh công ty cổ phần LS Krông Pa với vai trò là lái xe và áp tải hàng các bị cáo Lê Hùng V và Lê Văn Đ trộm cắp 100 bao hạt điều “Chao” có giá trị là 227.074.000 đồng. Đặng Thị Th có hứa hẹn trước với V, Đ sẽ mua hạt điều do các bị cáo trộm cắp được. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 11/2016 Th đã mua được 60 bao hạt điều “Chao”, cũng trong khoảng thời gian này Thái Quốc Bảo Ch được phân công áp tải hàng bán cho Th, qua định giá số lượng 60 bao hạt điều có giá trị 136.246.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Hùng V, Lê Văn Đ tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự và xử các bị cáo Đặng Thị Th, Thái Quốc Bảo Ch tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về áp dụng tình tiết giảm nhẹ của bị cáo Th:

Mặc dù Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai rút toàn bộ kháng nghị. Nhưng trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo Th mang thai và sinh con trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, con nhỏ nhất của bị cáo sinh vào năm 2019.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS là thiếu sót. Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Th cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là phụ nữ có thai”. Tuy phát sinh Th tình tiết giảm nhẹ mới nhưng mức hình phạt mà Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo nên giữ nguyên mức hình phạt đã tuyên Đ với bị cáo.

[4] Về kháng cáo của bị hại:

[4.1] Về kháng cáo xem xét số lượng hạt điều chao Công ty bị mất trộm lớn hơn nhiều lần so với số lượng hạt điều mà Cơ quan Tố tụng xác định các bị cáo đã trộm cắp.

Căn cứ của Chi nhánh công ty Cổ phần LS Krông Pa khẳng định số lượng hạt điều các bị cáo trộm cắp lớn hơn nhiều so với số lượng đã được điều tra dựa trên hóa đơn mua bán hàng nhập vào, hàng xuất đi, hàng tồn kho, cho rằng bị ban đầu bị cáo Đ mang 230.000.000 đồng đến bồi thường nghĩa là các bị cáo phải hưởng lợi ít nhất bằng số tiền đó, ngoài việc các bị cáo bán hạt điều cho bị cáo Th còn bán cho ông Chung và ngoài việc công ty mất hạt điều “chao” còn mất hạt điều trắng . Đây là những căn cứ và suy luận của phía công ty, quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện K đã căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của những người mua hàng, số lượng hàng mỗi chuyến hàng nâng Th phù hợp với thời gian các bị cáo trộm cắp chứng minh được V và Đ trộm 100 bao hạt điều “chao” trong đó có sự giúp sức của Th và Ch là 60 bao hạt điều “chao”. Vấn đề này đã được Tòa án cấp phúc thẩm hủy án và Cơ quan cảnh sát điều tra huyện K điều tra lại lời khai của các bị cáo, người liên quan cũng như người làm chứng là phù hợp với nhau, chỉ có căn cứ chứng minh các bị cáo trong vụ án này trộm cắp 100 bao hạt điều “chao”.

[4.2] Về kháng cáo áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 cho các bị cáo là không phù hợp. Chưa xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác như phạm tội liên tục, phạm tội nhiều lần, mức thiệt hại gây ra lớn và thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức Đ với các bị cáo.

Tòa án nhân dân huyện K đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: mặc dù quá trình điều tra các bị cáo có nhiều lời khai khác nhau về vi phạm cấp nhưng các bị cáo đã thấy hành vi của mình là sai trái, mong muốn khắc phục hậu quả đã gây ra và mong muốn được làm lại cuộc đời, thể hiện qua hành động khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và những người cùng thực hiện tội phạm, từ lúc chưa khởi tố vụ án các bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại và đến lúc xét xử đã bồi thường toàn bộ cho phía bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Th cho các bị cáo Điều 54 BLHS để xử các bị cáo mức án dưới khung hình phạt là đúng quy định của pháp luật.

Về áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Đ với các bị cáo như đề nghị của phía bị hại thấy rằng: các bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”, việc cho rằng các bị cáo phạm tội liên tục, mức thiệt hại lớn thuộc trường hợp định tội, định khung hình phạt nên các bị cáo bị xét xử ở điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 173 BLHS. Mặc dù các bị cáo đồng phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân chia vai trò cụ thể từng bị cáo. Các bị cáo lợi dụng sơ hở của nhân viên cân hàng mà nâng Th hàng lên xe Đ với mỗi chuyến vận chuyển. Do đó, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tổ chức” Đ với các bị cáo.

[4.3] Xét kháng cáo đề nghị xem xét hành vi trộm cắp tài sản diễn ra liên tục, trong cùng thời gian và không gian của Lê Văn Đ và là người tham gia tích cực nhất, hưởng lợi bất chính nhiều nhất. Ban đầu bị cáo khai nhận hưởng lợi số tiền 230 triệu, không phải 136.362.000 đồng như kết luận điều tra. Đề nghị xử phạt bị cáo ở khoản 4 Điều 173 BLHS.

Bị cáo Lê Văn Đ là người tham gia trong cả 02 vụ án Lê Hùng V và vụ án Nguyễn Xuân C trộm cắp tài sản, cùng trong khoảng thời gian năm 2016 đến tháng 5/2017 và Đ có cùng một hành vi là trong lúc điều khiển xe nâng hàng đã nâng Th hàng lên xe của C và xe của V. Các tài xế đưa hạt điều trộm cắp đi bán và chia nhau tiêu xài. Việc ban đầu bị cáo mang số tiền 230.000.000 đồng đến bồi thường cho công ty không có ý nghĩa bị cáo hưởng lợi từ hành vi nâng hàng cho 02 xe bị cáo đã trộm cắp, bản thân bị cáo không thừa nhận và cơ quan điều tra cũng không có căn cứ xác định bị cáo được hưởng lợi số tiền 230.000.000 đồng.

Hành vi của Đ được Cơ quan điều tra tách làm 02 vụ án khác nhau, tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện K đã xử phạt bị cáo Đ 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HSSt ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện K đã xử phạt bị

cáo Đ 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành 06 năm tù là đã xem xét đầy đủ hành vi phạm tội của bị cáo ở từng xe hàng, vai trò của bị cáo và lợi ích bị cáo được hưởng trong từng vụ án. Xét giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt ở hai vụ án khác nhau nên không đủ định lượng để xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 173 BLSH như kháng cáo của bị hại.

[4.4] Kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tiếp tục điều tra thu thập số điện thoại, nội dung hội thoại, tin nhắn của các bị cáo, các Đ tượng có liên quan trong vụ án này để điều tra vụ án một cách toàn diện hành vi phạm tội của các bị cáo tránh bỏ lọt tội phạm. Vấn đề này sau khi hủy án trả hồ sơ điều tra bổ sung đã được Cơ quan cảnh sát điều tra huyện K phối hợp với tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel, tổng công ty Mobifone tiến hành thu giữ điện thoại, điện tín của các số điện thoại của các bị cáo, người mua hàng, người tố giác nhưng kết quả tra cứu thể hiện thời điểm kiểm tra dữ liệu trên hệ thống không còn lưu giữ dữ liệu các cuộc gọi đi, gọi đến và nội dung tin nhắn của các số điện thoại cần điều tra. Do đó, không có cơ sở tiến hành điều tra thu thập tiếp theo. Đ với những người liên quan khác quá trình điều tra đã thu thập lấy lời khai nhưng không xác định Nguyễn Minh H, Phan Duy Kh trộm cắp hạt điều của công ty, hay việc V bán hạt điều cho ông Chung và chồng bị cáo Th là Hà Kim Ch có liên quan đến việc mua hạt điều trộm cắp của V và Ch.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 342, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,; Đình chỉ xét xử phúc thẩm Đ với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai và kháng cáo của bị cáo Lê Hùng V

Phần hình phạt và điều luật áp dụng đã tuyên trong bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021 HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai Đ với các bị cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1 Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của công ty cổ phần LSgiữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021 HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. 2 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 58 của BLHS năm 2015

Xử phạt bị cáo Lê Hùng V 03(Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án, nhưng được trừ đi 09 (chín) tháng 10 (mười) ngày tạm giam trước (từ ngày 04/3/2019 đến ngày 08/5/2019 và từ ngày 17/3/2020 đến ngày 16/10/2020).

2.3 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 của BLHS năm 2015

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 03(Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của BLHS: Tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HS-ST ngày 29/6/2018 của TAND huyện K, tỉnh Gia Lai với hình phạt 03 (Ba) năm tù của bản án này. Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chấp hành hình phạt tù chung là 06 (Sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/3/2018, nhưng được trừ 05 (năm) tháng 03 (Ba) ngày tạm giam trước đây (từ ngày 06/9/2017 đến ngày 05/02/2018).

2.4 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 của BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Thái Quốc Bảo Ch 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án, nhưng được trừ đi 05 (Năm) tháng 17 (Mười bảy) ngày tạm giam trước (từ ngày 04/3/2019 đến ngày 20/3/2019 và từ ngày 17/3/2020 đến ngày 13/8/2020).

3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS Đ với bị cáo Đặng Thị Th.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 58 của BLHS năm 2015

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Th 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: các bị cáo không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; Bị hại
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Hiên